

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày 09-9-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Thìn

Ông Nguyễn Thành Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06-09 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị L; Sinh năm 1978 tại: Quảng Bình; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký HKTT thường trú: Ấp 5, xã Đồng T1, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ học vấn: 07/12; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị H1; bị cáo có 01 anh ruột sinh năm 1975 ; bị cáo có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không;

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 25/12/2018 thực hiện hành vi “Đánh bạc” bị Công an xã Đồng T xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961(có mặt).

Trú tại: Ấp 4, xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Thanh L1-SN 1961(vắng mặt).

Trú tại: Ấp 6, xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

2. Bà Nguyễn Thị B-SN 1956(vắng mặt).

Trú tại: KP 3, P. Thác M, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước

3. Ông Tạ Th-SN 1979 (có mặt).

Trú tại: Ấp 4, xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

** Người làm chứng:*

1/ Bà Nguyễn Thị Xuân L2-SN 1983(có mặt).

Trú tại: Đội 1, ấp 1, xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

2/ Bà Nguyễn Thị B-SN 1961(vắng mặt).

Trú tại: Ấp 1, xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/3/2019, bị cáo Trần Thị L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, biển kiểm soát 93F4-6396 đến nhà bà Nguyễn Thị H tại ấp 4, xã Đồng Tâm, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước để chơi. Khi đến nhà bà Hà, bị cáo L thấy bà Hà đang nằm ngủ trong phòng, phía trên đầu giường nơi bà Hà đang nằm ngủ có 01 chiếc túi xách bằng da, màu đen nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo L lấy túi xách mang ra ngoài phòng khách và mở túi xách ra thì thấy bên trong túi xách có 01 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng được buộc sẵn bằng dây thun, tổng số tiền là 41.000.000 đồng. Bị cáo L lấy số tiền trên rồi để lại túi xách tại phòng khách nhà bà Hà và ra điều khiển xe mô tô đi về nhà. Bị cáo L đem cất giấu số tiền 30.000.000 đồng tại nhà mình, còn số tiền 11.000.000 đồng đem trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh L1 tại ấp 6, xã Đồng T, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà H đã làm đơn trình báo Công an xã Đồng T. Quá trình điều tra, bị cáo L đã khai nhận hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Số tiền 42.335.000 đồng.
- 01 xe Wave màu xanh, BS: 93F4-6369.
- 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu trắng bạc.
- 01 túi sách da màu đen, kính thước (25x14cm) có dây đeo màu đen dài 128cm.

Tại Bản cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 29/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối

với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Trần Thị L mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Không.

* Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 túi sách màu đen là tài sản của bà H nên đề nghị tuyên trả lại cho bà Hà.

- Đối với 01 điện thoại Vivo là của bị cáo L không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo L.

- Đối với số tiền 1.335.000 đồng là của bị cáo L không liên quan đến vụ án nên đề nghị lại cho bị cáo L.

- Đối với 01 xe mô tô Wave, BKS: 93F4-6396 của ông Phan Văn H1 hiện chưa làm việc được với chủ sở hữu và đã tách ra xác minh giải quyết sau nên đề nghị không xem xét tại phiên tòa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy rất ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện sớm trở về với gia đình nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Đồng P, tỉnh Bình Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo, người bị hại tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/3/2018, bị cáo Trần Thị L đến nhà bà Nguyễn Thị H chơi khi thấy bà H đang ngủ không cảnh giác nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Thị H, số tiền chiếm đoạt là 41.000.000 đồng.

Đối chiếu với hành vi nêu trên của bị cáo so với những quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, bị cáo nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng do bản tính lười lao động, ham muốn có tiền tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng mà không phải lao động vất vả nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Hà, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 41.000.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng P đã truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng điều khoản quy định của pháp luật.

Xét về nhân thân bị cáo đã có tiền sự về hành vi đánh bạc, ngày 25/12/2018 thực hiện hành vi “Đánh bạc” bị Công an xã Đồng T xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo không lấy đó để làm bài học tu dưỡng đạo đức lối sống mà lại phạm tội do cố ý, chứng tỏ bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, nhân thân xấu. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và nhằm mục đích đấu tranh và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại; Bị cáo còn có con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người bị hại bà Nguyễn Thị H trình bày mất số tiền 76.000.000 đồng nhưng bà Hà không có chứng cứ chứng minh được số tiền bị mất, Cơ quan cảnh sát điều tra chỉ chứng minh và thu hồi được số tiền bị cáo L chiếm đoạt là 41.000.000 đồng và đã trả lại cho bị hại. Đối với số tiền còn lại khoảng 35.000.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng P chưa xác định được ai là người chiếm đoạt nên đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến việc xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị Thanh L1, sau khi bị cáo L trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Thị H, bị cáo đã dùng số tiền trộm cắp trả nợ cho bà Loan với số tiền 11.000.000 đồng nhưng L1 không biết đây là tiền do bị cáo L phạm tội mà có, sau đó bà Loan đã đem trả số tiền 11.000.000 đồng nộp lại cho cơ quan Công an, do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý hành vi của bà L1.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô hiệu Wave, BKS: 93F4 - 6396 thu giữ của bị cáo, qua xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng P xác định chủ sở hữu là ông Phan Văn H1 nhưng hiện ông Hoàng không còn ở địa phương nên chưa làm việc được do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng P đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc xử lý.

Đối với các vật chứng thu giữ gồm:

- 01 túi sách màu đen, kích thước (25x14cm) có dây đeo màu đen dài 128cm là tài sản của bà H nên cần trả lại cho bà H.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng bạc là của bị cáo L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L.

- Số tiền 1.355.000 đồng là của bị cáo cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần quản thủ 200.000 đồng trong số tiền này để đảm bảo thi hành án, còn 1.135.000 đồng trả lại cho bị cáo.

[8] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: không.

3. Về trách nhiệm dân sự: không.

4. Vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H: 01 túi sách da màu đen, kích thước (25x14cm)

có dây đeo màu đen dài 128cm.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị L: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng bạc.

- Quản thủ 200.000 đồng của số tiền 1.355.000 đồng để đảm bảo thi hành án, còn lại trả cho bị cáo 1.155.000 đồng.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

6. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày để từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- P. PV 27 CA tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng P (01);
- CC THADS huyện Đồng P(01);
- CA huyện Đồng P (03);
- TT lý lịch tư pháp - STP Bình Phước;
- UBND xã Đồng T (01);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa